

Số: 222 /BC-CTK

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 3 và quý I năm 2023
tỉnh Thái Nguyên

Năm 2023 là năm có ý nghĩa quan trọng, năm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, là năm bản lề thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Dự báo, năm 2023 nền kinh tế trên thế giới nói chung và trong nước nói riêng tiếp tục có những diễn biến phức tạp và khó khăn ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, ngay từ những ngày đầu năm 2023 Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) đã ban hành Kế hoạch phân công chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023.

Trên tinh thần đó, các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị đã khẩn trương tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm theo chương trình, kế hoạch đề ra. Nhờ đó, kinh tế của tỉnh trong quý I/2023 duy trì được đà tăng trưởng khá một số ngành, lĩnh vực kinh tế còn đạt mức tăng trưởng cao hơn bình quân cả nước như: tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, chỉ số sản xuất công nghiệp... Tình hình trật tự, an toàn xã hội, đời sống của dân cư cơ bản ổn định.

Dự ước kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh tháng 3 và quý I/2023 như sau:

A. KINH TẾ

I. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới

Trong quý I/2023, nhìn chung tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh tương đối thuận lợi và duy trì được đà tăng trưởng, tiếp tục khẳng định vai trò trụ đỡ trong phát triển kinh tế. Ngành trồng trọt, tiến độ gieo trồng cũng như thu hoạch các loại cây trồng đảm bảo kế hoạch mùa vụ. Ngành chăn nuôi, công tác kiểm soát dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được thực hiện tốt; mặc dù giá thức ăn chăn nuôi vẫn ở mức cao nhưng các cơ sở chăn nuôi vẫn thực hiện tái đàn để ổn định quy mô chăn nuôi. Sản xuất thủy sản tiếp tục được triển khai theo đúng kế hoạch.

1. Trồng trọt

Tính đến hết tháng 3/2023, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm các cây trồng chính vụ Đông Xuân năm 2023 ước đạt gần 56,5 nghìn ha, giảm 1,9% so với vụ Đông Xuân năm trước. Trong đó, diện tích cây lương thực có hạt đạt 39,2 nghìn ha (*cây lúa 28,7 nghìn ha; cây ngô 10,5 ha*), bằng 102,4% kế hoạch và giảm 1,0% so cùng kỳ năm trước.

* *Kết quả sản xuất vụ Đông*

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông năm 2022 - 2023 đạt gần 13,5 nghìn ha, giảm 0,3% so với cùng kỳ¹. Về sản lượng cây trồng vụ Đông, tuy diện tích ngô giảm nhưng sản lượng ước đạt 18,3 nghìn tấn, tăng 8,8% so với kế hoạch và tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước; rau các loại đạt 120,5 nghìn tấn, bằng 103,5% kế hoạch và tăng 8,6% so với cùng kỳ; khoai lang đạt 9,9 nghìn tấn, giảm 13,8% so với cùng kỳ; khoai tây đạt 5 nghìn tấn, tăng 8,3% so với cùng kỳ...

* *Tiến độ gieo trồng cây hàng năm vụ Xuân*

Thời tiết sau Tết Nguyên đán chuyển sang nóng, ẩm, mưa phùn phù hợp với sinh trưởng, phát triển cây trồng vụ Xuân. Đến nay, công tác gieo cấy lúa tại các địa phương trong tỉnh đã hoàn tất và đang trong giai đoạn điều tiết nguồn nước tưới, chăm sóc cây trồng. Dự tính đến hết tháng 3/2023, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Xuân ước đạt gần 43 nghìn ha, bằng 100,9% kế hoạch và giảm 2,4% so với cùng kỳ².

* *Cây lâu năm*

- *Cây chè*: Năm 2023, theo kế hoạch sản xuất cây chè, diện tích trồng mới và trồng lại chè là 415 ha (*trồng mới 63,5 ha và trồng lại 351,5 ha*). Trong quý I/2023, các địa phương chưa có diện tích trồng mới và trồng lại chè; bà con đang tập trung chuẩn bị mặt bằng đất, chăm sóc vườn ươm giống cây và chuẩn bị thu hái mặt đầu tiên trong năm.

- *Cây ăn quả*: Ước tính từ đầu năm đến cuối tháng 3/2023, tổng diện tích trồng mới cây ăn quả trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 150 ha. Hiện nay, diện tích đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả đã được chuyển đổi sang trồng cây ăn quả tại các địa phương và hình thành các vùng trồng cây ăn quả tập trung như: Vùng trồng nhãn, chuối ở xã Phúc Thuận (TP Phổ Yên); na ở các xã La Hiên, Phú Thượng (huyện Võ Nhai); bưởi ở các xã Hoàng Nông, Tiên Hội (huyện Đại Từ), Tràng Xá (huyện Võ Nhai); ôi ở xã Linh Sơn (TP Thái Nguyên)... . Với

¹ Trong đó, diện tích ngô đạt 3,9 nghìn ha, bằng 107,4% kế hoạch, giảm 0,5% so với cùng kỳ; rau các loại đạt 6,7 nghìn ha, bằng 102,1% kế hoạch, tăng 1,3%; khoai lang đạt 1,3 nghìn ha, giảm 12,9% so với cùng kỳ; khoai tây đạt 361 ha, tăng 8,9% so với cùng kỳ; đậu đỗ đạt 28 ha, giảm 23,4% so với cùng kỳ; đỗ tương đạt 10 ha, giảm 27,1% so với cùng kỳ.

² Chia ra, diện tích lúa đạt 28,7 nghìn ha, bằng 102,2% kế hoạch và giảm 0,6% so với cùng kỳ; ngô đạt 6,6 nghìn ha, bằng 99,7% kế hoạch và giảm 3,1%; rau các loại đạt gần 4,6 nghìn ha, bằng 95,4% kế hoạch và giảm 6,5%; lạc đạt gần 2,2 nghìn ha, giảm 11,6% so với cùng kỳ; khoai lang đạt 724 ha, tăng 1,3%; đậu các loại đạt 549 ha, giảm 19,4%; đỗ tương đạt 150 ha, giảm 41,7%.

hơn 14,7 nghìn ha diện tích cây ăn quả, dự tính trong điều kiện thời tiết thuận lợi sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao khi thu hoạch.

*** Tình hình sâu bệnh trên cây trồng**

Theo báo cáo của ngành chức năng, hiện nay trên cây trồng hàng năm vụ Xuân xuất hiện một số loại sâu bệnh như: bệnh đạo ôn, rầy các loại, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân cú mèo; khô vằn, chuột gây hại trên cây lúa; bệnh bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh, bọ xít muỗi; bệnh phồng lá trên cây chè nhưng tỷ lệ gây hại ở mức trung bình và thấp, diện tích sâu bệnh gây hại không nhiều. Ngành chức năng của tỉnh đang tiếp tục theo dõi diễn biến tình hình sâu bệnh, chủ động tham mưu, đề xuất các biện pháp chỉ đạo phòng trừ hiệu quả, đảm bảo năng suất cây trồng.

2. Chăn nuôi

Trong quý I/2023, sản xuất chăn nuôi của tỉnh đang phát triển theo hướng tích cực, chăn nuôi quy mô trang trại tiếp tục phát triển và đang thay thế dần chăn nuôi nhỏ lẻ ở các hộ gia đình; với việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xây dựng chuỗi liên kết giá trị trong chăn nuôi đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, mang lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi.

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng quý I/2023 ước đạt 53,4 nghìn tấn, tăng 5% so với cùng kỳ. Chia ra, sản lượng thịt lợn hơi đạt 27 nghìn tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ; trâu hơi đạt 1,3 nghìn tấn, giảm 9,9%; bò hơi đạt gần 1,4 nghìn tấn, tăng 10,3% và sản lượng thịt gia cầm đạt gần 23,7 nghìn tấn, tăng 8,8%.

Về giá bán sản phẩm chăn nuôi: Trong tháng 3, chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi giảm 1,7% so với tháng trước và giảm 15,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số sản phẩm chăn nuôi lợn giảm 39,2% so với tháng trước và giảm 3,5% so với cùng kỳ; chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi gia cầm tăng 18,2% so với tháng trước và giảm 0,5% so với cùng kỳ.

Tính chung quý I/2023, chỉ số giá bán sản phẩm từ chăn nuôi giảm 7,3% so với quý trước và tăng 1,8% so với cùng kỳ. Trong đó, chỉ số giá bán sản phẩm thịt lợn giảm 9,2% so với quý trước và giảm 6,6% so với cùng kỳ; chỉ số nhóm sản phẩm chăn nuôi gia cầm giảm 4,5% so với quý trước và tăng 10,4% so với cùng kỳ (*trong đó, chỉ số sản phẩm gà giảm 4,7% so với quý trước và tăng 10,6% so với cùng kỳ*).

Giá sản xuất bình quân một số sản phẩm chăn nuôi trong quý I/2023 như sau: Giá thịt lợn hơi khoảng 50,6 nghìn đồng/kg; giá lợn giống khoảng 106,6 nghìn đồng/kg; giá gà ta thịt hơi khoảng 118,1 nghìn đồng/kg; giá thịt hơi gà công nghiệp lông trắng khoảng 31,3 nghìn đồng/kg.

Tình hình dịch bệnh trong quý I/2023: Đến nay, tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm vẫn đang được kiểm soát tốt; không phát hiện các ổ dịch tai xanh ở lợn, lở mồm, long móng ở gia súc, cúm gia cầm, viêm da nổi cục trên trâu bò, dại chó. Đối với bệnh dịch tả lợn Châu Phi xuất hiện ổ dịch từ ngày

09/12/2022 kéo dài sang tháng 02/2023 tại 01 hộ gia đình thuộc xã Quân Chu, huyện Đại Từ và đã được khống chế; số lượng lợn mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi phải tiêu huỷ tại hộ là 1.345 con³.

Công tác tiêm phòng gia súc, gia cầm: Hiện nay, ngành chức năng đang phối hợp với các địa phương rà soát tổng đàn vật nuôi trong diện tiêm; đăng ký số lượng chủng loại vắc xin tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đợt 1/2023. Dự kiến việc triển khai tiêm vắc xin đợt 1 năm 2023 đảm bảo tiến độ kế hoạch đề ra. Số lượng đăng ký vắc xin tiêm cho đàn lợn, đàn gà toàn tỉnh như sau: 148.295 liều vắc xin tả lợn; 114.340 liều vắc xin tụ máu lợn; 64.225 liều vắc xin lở mồm, long móng lợn; 1.798.500 liều vắc xin cúm gia cầm; 34.615 liều vắc xin tai xanh; 4.000 liều vắc xin lepto.

3. Lâm nghiệp

Công tác phát triển rừng: Để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giao và chuẩn bị tốt cho việc triển khai công tác trồng rừng năm 2023, ngành chức năng của tỉnh đã ban hành nhiều văn bản về giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch và chuẩn bị công tác trồng rừng năm 2023, phối hợp với chính quyền địa phương rà soát diện tích đất lâm nghiệp đủ điều kiện để đăng ký trồng rừng năm 2023. Tính đến ngày 20/3/2023, diện tích đăng ký tham gia trồng rừng theo chương trình, đề án năm 2023 là 1.929 ha⁴.

Diện tích rừng trồng mới tập trung quý I/2023 ước đạt 420 ha; số lượng cây giống lâm nghiệp gieo ươm chuẩn bị cho trồng rừng đạt 28,3 triệu cây các loại.

Về triển khai “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ - Xuân Quý Mão năm 2023” gắn với thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025: Tổng số cây xanh đã trồng trong dịp phát động “Tết trồng cây Xuân Quý Mão năm 2023” trên địa bàn tỉnh là 173.965 cây. Tính đến ngày 20/3/2023 tổng số cây xanh phân tán trồng trên địa bàn tỉnh là 263.088 cây.

Tình hình khai thác lâm sản: Tính từ đầu năm đến ngày 20/3/2023, sản lượng gỗ khai thác đạt 43,2 nghìn m³, tăng 1,9% so với cùng kỳ; sản lượng củi khai thác ước đạt 47,8 nghìn ster, tăng 1,1% so với cùng kỳ.

Công tác quản lý bảo vệ rừng: Trong tháng 3/2023, trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ cháy rừng. Tính từ đầu năm đến ngày 20/3/2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy rừng ngày 24/01/2023 với diện tích bị thiệt hại 0,8 ha thuộc rừng phòng hộ, rừng trồng Keo tại xóm Đồng Tiến, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương.

Kết quả xử lý các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp: Tính đến ngày 20/3/2023 toàn tỉnh đã phát hiện và xử lý 23 vụ vi phạm, tịch thu 27,8 m³ gỗ quy tròn các loại, thu nộp ngân sách Nhà nước 113,2 triệu đồng.

³ Từ ngày 11/12/2022 đến 31/12/2022 tiêu huỷ 862 con; từ ngày 01/01/2023 đến 07/02/2023 tiêu huỷ 483 con..

⁴ Chia ra, trồng rừng phòng hộ 155 ha; trồng rừng sản xuất gỗ lớn 969,4 ha và trồng rừng sản xuất gỗ nhỏ 435,6 ha; trồng quế theo Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh là 368,9 ha.

4. Thủy sản

Hiện nay, các địa phương trong tỉnh đang tăng cường chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở sản xuất giống tiếp tục nuôi vỗ cá bố mẹ các loại, cá giống lưu và ương nuôi cá bột lên cá giống. Ngoài ra, chuẩn bị tốt ao, hồ để thả giống năm 2023.

Kết quả sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản: Tổng sản lượng thủy sản quý I/2023 ước đạt 3,7 nghìn tấn, tăng 5,2% so cùng kỳ. Trong đó, sản lượng cá đạt 3,6 nghìn tấn, tăng 5,3%; sản lượng tôm đạt 17,1 tấn, tăng 3,6% so với cùng kỳ. Xét về cơ cấu, sản lượng thủy sản khai thác chiếm 1,5%; còn lại là sản lượng thủy sản nuôi trồng chiếm 98,5% tổng sản lượng thủy sản (*trong đó, sản lượng cá nuôi trồng chiếm tỷ trọng 96,4% tổng sản lượng thủy sản của tỉnh*).

5. Chương trình xây dựng nông thôn mới

Đến nay, ngành chức năng của tỉnh đã hoàn thành việc thẩm định và trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), 09 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 04 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022; tham mưu UBND tỉnh trình đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, xét, công nhận huyện Phú Bình đạt chuẩn NTM năm 2022; hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) năm 2023; tổng hợp đăng ký nhu cầu và trình phê duyệt phân bổ khối lượng xi măng hỗ trợ các địa phương xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn năm 2023. Toàn tỉnh tập trung nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới huyện Định Hóa đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2023...

II. Sản xuất công nghiệp

Trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng giảm sút, giá nguyên vật liệu đầu vào duy trì ở mức cao, thị trường xuất khẩu không thuận lợi nhưng nhờ việc tận dụng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, cùng cơ chế thu hút đầu tư cởi mở và điều hành linh hoạt của chính quyền các cấp nên ngay từ những ngày đầu tiên của năm 2023 các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã nhanh chóng ổn định và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Theo đó, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp quý I/2023 tăng so với cùng kỳ trong bối cảnh chỉ số sản xuất công nghiệp cả nước có xu hướng giảm.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 3/2023 ước tính tăng 4,84% so với tháng trước và tăng 6,95% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 0,16% so với tháng trước và giảm 0,69% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,92% so với tháng trước và tăng 7,13% so với cùng kỳ; ngành sản xuất, phân phối điện tăng 5,17% so với tháng trước và giảm 1,3% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 10,44% so với tháng trước và tăng 32,52% so với cùng kỳ.

Trong số các sản phẩm công nghiệp chủ yếu sản xuất trong tháng 3/2023, nhóm các sản phẩm có sản lượng sản xuất đạt cao hơn cả so với tháng trước và so với cùng kỳ như: sản phẩm may gần 8 triệu cái, tăng 5,1% so với tháng trước và tăng 4,5% so với cùng kỳ; vonfram và sản phẩm của vonfram 2,1 nghìn tấn,

tăng 2,6% so với tháng trước và tăng 17,1% so với cùng kỳ; điện thoại thông minh 8 triệu cái, tăng 2% so với tháng trước và tăng 2,3% so với cùng kỳ⁵; điện thương phẩm 460 triệu kwh, tăng 3,1% so với tháng trước và tăng 12,3% so với cùng kỳ. Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm có sản lượng sản xuất trong tháng 3/2023 ước giảm cả so với tháng trước và so với cùng kỳ như: quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung 40,4 nghìn tấn, giảm 12,8% so với tháng trước và giảm 8,1% so với cùng kỳ; sắt thép các loại 101 nghìn tấn, giảm 20,4% so với tháng trước và giảm 37,5% so với cùng kỳ; đồng tinh luyện, đồng lõi 2 nghìn tấn, giảm 31% so với tháng trước và giảm 19,4% so với cùng kỳ; máy tính bảng 0,6 triệu cái, giảm 0,3% so với tháng trước và giảm 13,4% so với cùng kỳ.

Tính chung quý I/2023, IIP ước tăng 6,11% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 0,15%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,18%; ngành sản xuất, phân phối điện tăng 2,99% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý rác thải, nước thải tăng 31,77%. Đây là năm có IIP tăng cao thứ 2 trong vòng 5 năm trở lại đây (sau năm 2021), cho thấy mặc dù trong bối cảnh còn nhiều khó khăn nhưng ngành sản xuất công nghiệp của tỉnh vẫn duy trì được đà tăng trưởng

IIP quý I của các năm chia theo ngành hoạt động giai đoạn 2019-2023

	<i>DVT: %</i>				
	2019	2020	2021	2022	2023
Toàn ngành	105,93	95,17	105,00	107,91	106,11
Khai khoáng	108,06	94,49	81,16	86,33	99,85
Chế biến, chế tạo	106,13	94,92	105,79	108,30	106,18
Phân phối và sản xuất điện	96,56	109,87	86,06	103,13	102,99
Cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	86,52	97,52	98,40	90,15	131,77

Về sản lượng sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong quý I/2023, nhóm các sản phẩm có sản lượng sản xuất ước đạt cao hơn cùng kỳ như: than sạch khai thác 368,8 nghìn tấn, tăng 7,7% so với cùng kỳ và đạt 25,8% kế hoạch; sản phẩm may 24,4 triệu cái, tăng 10,7% và đạt 13,5% kế hoạch; sắt thép các loại 360,8 nghìn tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ và đạt 22,3% kế hoạch; tai nghe khác 14,5 triệu cái, tăng 4% so với cùng kỳ; điện thương phẩm 1,35 tỷ kwh, tăng 9,5% so với cùng kỳ và đạt 20,8% kế hoạch; nước máy thương phẩm 8,62 triệu m³, tăng 33,9% so với cùng kỳ và đạt 22,1% kế hoạch. Ở chiều ngược lại, nhóm các sản phẩm có sản lượng sản xuất ước tính trong quý I/2023 giảm so với cùng kỳ như: gạch xây dựng bằng gốm sứ 98,2 triệu viên, giảm 4,1% so với cùng kỳ và đạt 5,6% kế hoạch; xi măng 624,9 nghìn tấn, giảm 8% so với cùng

⁵ Trong đó, điện thoại thông minh có giá dưới 3 triệu đạt 3,8 triệu cái, giảm 3,5% so với tháng trước và giảm 16,6% so với cùng kỳ; điện thoại có giá từ 3 đến dưới 6 triệu đạt 2,1 triệu cái, tăng 6% so với tháng trước và tăng 39,4% so với cùng kỳ; điện thoại có giá từ 6 triệu trở lên đạt 2,1 triệu cái, tăng 9% so với tháng trước và tăng 18% so với cùng kỳ.

kỳ và đạt 19,5% kế hoạch; vonfram và các sản phẩm của vonfram 5,4 nghìn tấn, giảm 20,9% so với cùng kỳ và bằng 25,2% kế hoạch; điện thoại thông minh và máy tính bảng 26 triệu cái, giảm 1,9% so với cùng kỳ và đạt 8,7% kế hoạch⁶...

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến chế tạo ước tháng 3/2023 tăng 12,1% so với cùng kỳ. Tính chung quý I/2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 4,47% so với cùng kỳ. Một số nhóm ngành có chỉ số tiêu thụ thấp hơn so với chỉ số tiêu thụ chung như: sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (-16,46%); sản xuất kim loại (-4,42%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (-6,81%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học (-9,98%); sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (-63,23%). Bên cạnh đó, một số nhóm ngành vẫn duy trì được mức tiêu thụ khá do có duy trì được lượng đơn đặt hàng ổn định như: sản xuất trang phục (+28,19%); chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (+26,16%); sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (+65,98%); in ấn (+56,16%); sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (+36,19%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+28,98%); sản xuất thiết bị điện (+96,68%); sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế (+53,13%)...

Chỉ số tồn kho ngành chế biến, chế tạo tại thời điểm cuối tháng 3/2023 tăng 32,04% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số ngành có chỉ số tồn kho cao như: sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế (gấp gần 42 lần cùng kỳ) sản xuất, chế biến thực phẩm (+206,08%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+95,08%); sản xuất kim loại (+80,72%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn +153,21%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học (+30,93%)... Ngược lại, một số ngành có mức tồn kho khá thấp do cắt giảm sản xuất trong kỳ để tiêu thụ hàng tồn, một số doanh nghiệp nhận được thêm đơn hàng, đơn hàng có giá trị lớn như: Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; in ấn; sản xuất thiết bị điện...

Giá trị sản xuất công nghiệp quý I/2023 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 186,74 nghìn tỷ đồng, tăng 5,5% so với cùng kỳ và đạt 18,3% kế hoạch. Chia theo thành phần kinh tế, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 13,28 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ (trong đó, công nghiệp địa phương ước đạt 7,47 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9% so với cùng kỳ và đạt 16,2% kế hoạch); khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 173,46 nghìn tỷ đồng, tăng 5,4% so với cùng kỳ. Chia theo ngành công nghiệp, ngành công nghiệp khai khoáng ước đạt 277 tỷ đồng, giảm 0,1% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 185,5 nghìn tỷ đồng (chiếm 99,3% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp), tăng 5,5%; ngành sản xuất, phân phối điện ước đạt 710,4 tỷ đồng, tăng 4%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý rác thải, nước thải ước đạt 253,2 tỷ đồng, tăng 31,9%.

Với kết quả giá trị sản xuất công nghiệp đã đạt được trong quý I như trên, để hoàn thành mục tiêu kế hoạch cả năm 2023 thì giá trị sản xuất công nghiệp 9

⁶ Trong đó, máy tính bảng 1,7 triệu cái, giảm 5,6%; điện thoại thông minh có giá dưới 3 triệu 11,5 triệu cái, giảm 10,7%; điện thoại có giá từ 3 đến dưới 6 triệu 6,5 triệu cái, tăng 7,1% so với cùng kỳ; điện thoại có giá từ 6 triệu trở lên 6,4 triệu cái, tăng 10,4% so với cùng kỳ.

tháng còn lại của năm phải đạt 833,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10,4% so với cùng kỳ, tức là bình quân mỗi quý còn lại của năm phải đạt 277,8 nghìn tỷ đồng, tăng 48,8% so với quý I/2023. Do vậy, trong thời gian tới ngành chức năng của tỉnh cần tiếp tục theo dõi sát diễn biến thực tế, kịp thời có những giải pháp khuyến khích, tạo điều kiện để thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển sản xuất; nếu trong các quý còn lại của năm không có năng lực tăng thêm thì ngành công nghiệp của tỉnh khó đạt kế hoạch đề ra...

Ở khía cạnh khác, Tập đoàn Samsung tại tỉnh Thái Nguyên cam kết năm 2023 sẽ tiếp tục duy trì sản xuất ổn định hoặc tăng trưởng cao hơn so với năm 2022 và nghiên cứu tiếp tục đầu tư sản xuất sản phẩm lưới bóng chip bán dẫn, thử nghiệm vào tháng 5 và chính thức đi vào sản xuất từ tháng 11/ 2023. Đây cũng là tín hiệu tốt trong phát triển sản xuất công nghiệp của tỉnh trong thời gian tới.

III. Hoạt động tài chính, ngân hàng

1. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Công tác quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn trong quý I/2023 đã đáp ứng kịp thời kinh phí để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng; đáp ứng được nhu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị và thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành và các địa phương trong tỉnh.

**** Thu ngân sách Nhà nước***

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh 02 tháng đầu năm 2023 đạt 2.568,9 tỷ đồng bằng 76,8% cùng kỳ và bằng 12,8% dự toán cả năm. Trong đó, thu nội địa đạt 2.205,3 tỷ đồng, bằng 13% dự toán và giảm 19% so với cùng kỳ; thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 349,4 tỷ đồng, bằng 11,3% dự toán và giảm 43,2% so với cùng kỳ.

Trong thu nội địa có 6/15 khoản thu tăng so cùng kỳ như: Thu từ doanh nghiệp Nhà nước đạt 183,8 tỷ đồng (+19%); thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 978,7 tỷ đồng (+39,1%); thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh đạt 324,2 tỷ đồng (+13,6%); thu tiền cho thuê đất đạt 27 tỷ đồng (+52,6%); thu từ hoạt động xổ số đạt 3,4 tỷ đồng (+75,9%); thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác tại xã đạt 1,1 tỷ đồng, gấp 2,6 lần so cùng kỳ. Các khoản thu còn lại đạt thấp so với cùng kỳ.

Tính đến 15/3/2023 tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 2.795 tỷ đồng, bằng 14% dự toán cả năm. Ước tính quý I/2023 tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt 4.173 tỷ đồng, bằng 73% cùng kỳ và bằng 20,9% dự toán cả năm. Trong đó, thu nội địa đạt 3.555 tỷ đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 600 tỷ đồng; thu ủng hộ, đóng góp đạt 18 tỷ đồng.

**** Chi ngân sách địa phương***

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh 02 tháng đầu năm 2023 đạt 1.372,1 tỷ đồng, giảm 4,9% so với cùng kỳ và bằng 7,2% dự toán cả năm. Trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 244,6 tỷ đồng (*chiếm 18,7% trong tổng*

chi cân đối ngân sách địa phương), giảm 31,1% so với cùng kỳ và bằng 3,7% dự toán; chi thường xuyên đạt 1.051,3 tỷ đồng (*chiếm 82,3% tổng chi ngân sách địa phương*), giảm 1,4% so với cùng kỳ và bằng 11,6% dự toán.

Trong tổng chi thường xuyên 02 tháng đầu năm 2023, có 5/11 khoản chi tương đương hoặc tăng so cùng kỳ như: Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 27 tỷ đồng tương đương cùng kỳ; chi quốc phòng an ninh đạt 48,3 tỷ đồng, tăng 0,1%; chi quản lý hành chính đạt 317,9 tỷ đồng, tăng 6%; chi đảm bảo xã hội đạt 87,5 tỷ đồng tăng 12,5%; chi sự nghiệp văn hóa, thể dục, thể thao đạt 21,3 tỷ đồng, tăng 37,4%. Các khoản chi còn lại đạt thấp hơn cùng kỳ như: Chi sự nghiệp y tế đạt 37,7 tỷ đồng, giảm 22,4%; chi sự nghiệp giáo dục và dạy nghề đạt 442,2 tỷ đồng giảm 0,7%; chi sự nghiệp kinh tế đạt 51,3 tỷ đồng, giảm 8,9%...

Ước quý I/2023 tổng chi ngân sách địa phương đạt 2.141 tỷ đồng, bằng 87% cùng kỳ và bằng 11,3% so với dự toán năm. Trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 380 tỷ đồng; chi thường xuyên đạt 1.650 tỷ đồng; chi thực hiện các chương trình mục tiêu, dự án khác ước đạt 100 tỷ đồng.

2. Hoạt động ngân hàng

Nhìn chung, trong quý I/2023, thanh khoản của hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) thông suốt; các TCTD tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp về tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng theo Chỉ thị số 01 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia như Chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn ngân sách Nhà nước...

Về tình hình thực hiện lãi suất: Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 01 tháng tối đa là 1%/năm; kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng tối đa là 6%/năm; từ 06 tháng trở lên do TCTD ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường.

Về lãi suất cho vay bằng Việt Nam đồng đối với các lĩnh vực ưu tiên là 5,5%/năm. Lãi suất cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường vẫn ở mức cao khoảng 8-10%/năm đối với ngắn hạn, từ 10-14%/năm đối với trung và dài hạn.

Về hoạt động huy động vốn: Tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn đến 28/02/2023 đạt 94.258 tỷ đồng, giảm 1,71% so với 31/12/2022⁷. Ước tính đến 31/3/2023, nguồn vốn huy động đạt 94.700 tỷ đồng, giảm 1,25% so với 31/12/2022.

Về hoạt động tín dụng: Dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đến 28/02/2023 đạt 84.072 tỷ đồng, tăng 1,46% so với 31/12/2022. Ước tính đến 31/3/2023, dư nợ cho vay đạt 84.600 tỷ đồng, tăng 2,1% so với 31/12/2022.

⁷ Nguyên nhân giảm nguồn vốn huy động do Công ty Samsung điện cơ (mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Shinhan chi nhánh Thái Nguyên) sử dụng nguồn vốn để thanh toán tiền hàng.

Nợ xấu là 907 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 1,08%/tổng dư nợ.

Về kết quả thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP:

- *Triển khai thực hiện Nghị định số 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng thương mại:* Tính đến thời điểm 15/3, có 06 chi nhánh ngân hàng thương mại đã thực hiện hỗ trợ lãi suất cho 35 khách hàng với doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất đạt 1.867 tỷ đồng, dư nợ được hỗ trợ lãi suất đạt 1.151 tỷ đồng, số tiền hỗ trợ lãi suất là 5,5 tỷ đồng.

- *Triển khai thực hiện Nghị định số 36/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng Chính sách xã hội:* Đến hết tháng 12/2022, doanh số cho vay các chương trình tín dụng theo Nghị quyết số 11/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đạt 212 tỷ đồng bằng 100% kế hoạch Trung ương giao, doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 36 là 1.333 tỷ đồng, số tiền được hỗ trợ lãi suất là trên 12 tỷ đồng. Hiện nay, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên tiếp tục phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan rà soát nhu cầu vay vốn của khách hàng trên địa bàn năm 2023 để tổng hợp xây dựng kế hoạch nhu cầu vốn của các chương trình.

IV. Vốn đầu tư và xây dựng

1. Vốn đầu tư

Vốn đầu tư toàn xã hội: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh quý I/2023 ước tính đạt gần 9,9 nghìn tỷ đồng, bằng 47,9% quý trước và tăng 11,1% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn của khu vực kinh tế trong nước ước đạt gần 7 nghìn tỷ đồng, bằng 52,1% quý trước và tăng 10,3% so với cùng kỳ⁸; vốn của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt gần 2,9 nghìn tỷ đồng, bằng 40% quý trước và tăng 12,9% so với cùng kỳ.

Vốn đầu tư do địa phương quản lý: Trong tháng 3, vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 355,6 tỷ đồng, tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 12,3% so với cùng kỳ⁹. Tính chung quý I/2023, vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 1048,9 tỷ đồng (*bằng 12,5% kế hoạch*), tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước¹⁰.

⁸ *Vốn do Nhà nước quản lý ước đạt 1,4 nghìn tỷ đồng, bằng 40,9% quý trước và tăng 1,1% so với cùng kỳ; vốn ngoài Nhà nước đạt gần 5,6 nghìn tỷ đồng, bằng 56,0% quý trước và tăng 12,9% so với cùng kỳ (vốn đầu tư của hộ dân cư đạt gần 3,4 nghìn tỷ đồng, bằng 65,8% quý trước và tăng 11,1% so với cùng kỳ); vốn của các tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước đạt gần 2,2 nghìn tỷ đồng, bằng 45,5% quý trước và tăng 15,5% so với cùng kỳ.*

⁹ *Chia ra, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 213,6 tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 13,2% so với cùng kỳ; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 133,9 tỷ đồng, tăng 2,2% và tăng 14,5%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt gần 8,2 tỷ đồng, tăng 0,7% và giảm 26,7%.*

¹⁰ *Chia ra, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 629,3 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện ước đạt 395,4 tỷ đồng, tăng 12,9%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã ước đạt gần 24,2 tỷ đồng, giảm 22,6%.*

Tình hình triển khai một số dự án trên địa bàn tỉnh: Dự án tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc (*liên kết vùng*) có tổng mức đầu tư 4.204 tỷ đồng, với tổng chiều dài 42,55 km (*gồm tuyến chính dài 36,51 km, đoạn nối với tỉnh Vĩnh Phúc và đường tỉnh 216 dài 6,04 km*), các chủ đầu tư đã tập trung nguồn lực để tiến hành thi công. Công tác giải phóng mặt bằng đang tiếp tục được thực hiện tích cực; tính tới thời điểm hiện tại, trên 70% mặt bằng đã được bàn giao cho chủ đầu tư.

Dự án Cụm công nghiệp (CCN) Bá Xuyên có tổng diện tích 48,53 ha, với tổng mức đầu tư 432 tỷ đồng gồm các hạng mục hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông nội bộ; hệ thống điện, nước; nhà máy xử lý nước thải công suất 5.000 m³/ngày đêm... Tính đến thời điểm hiện tại, dự án đã thực hiện giải phóng mặt bằng được trên 36 ha; trong đó, đã chi trả tiền bồi thường trên 27 ha và bàn giao cho chủ đầu tư; đã tiến hành kê khai, kiểm đếm thêm 1,6 ha. Tổng số vốn đã triển khai khoảng 170 tỷ đồng, chiếm 39% tổng vốn đăng ký. Hạ tầng khu tái định cư CCN Bá Xuyên với diện tích 1,7 ha cũng đã hoàn thành 94% khối lượng công trình.

Dự án Phát triển tổng hợp đô thị động lực TP Thái Nguyên với tổng mức đầu tư 2.250 tỷ đồng (*trong đó vốn vay Ngân hàng Thế giới trên 1.200 tỷ đồng, còn lại là vốn đối ứng địa phương tự cân đối*). Trong tổng số 09 hạng mục, đến nay có 04 hạng mục hoàn thiện ở mức 70% đến 98%.

Ngày 08/3/2023, Tập đoàn Sunny đã làm việc với Chính phủ và tỉnh Thái Nguyên về Dự án xây dựng Trung tâm công nghiệp Sunny Group với diện tích từ 26 đến 40 ha tại KCN Yên Bình, TP Phủ Yên với tổng mức đầu tư từ 2 đến 2,5 tỷ USD. Mục tiêu đầu tư sản xuất ống kính camera, thiết bị quang học dùng cho ô tô và các sản phẩm quang học khác. Dự kiến hoàn thành đầu tư trong vòng 5 năm kể từ ngày được cấp chứng nhận đầu tư.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư công: Lũy kế từ đầu năm đến thời điểm 28/02/2023, trên địa bàn tỉnh giải ngân được trên 316,4 tỷ đồng vốn đầu tư công, đạt 4% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 3,8% kế hoạch địa phương giao. Ước tính đến hết quý I/2023, toàn tỉnh thanh toán được khoảng 500 tỷ đồng, đạt 6,4% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 6% kế hoạch do địa phương giao.

Nhu cầu thanh toán vốn trong quý II/2023 cho các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh là khoảng trên 2,4 nghìn tỷ đồng, trong đó, ngân sách Trung ương là 765 tỷ đồng và ngân sách địa phương là 1,65 nghìn tỷ đồng. Theo đó, dự kiến đến hết quý II/2023, tổng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh đạt khoảng trên 2,9 nghìn tỷ đồng, đạt 37,1% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 36,6% kế hoạch vốn do địa phương giao.

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công trong quý I/2023 còn đạt thấp do một số nguyên nhân như: Một số dự án còn vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, nhất là các dự án chuyển tiếp, khởi công mới; một số dự án khởi công mới đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế bản vẽ, triển khai các

bước lựa chọn nhà thầu thi công. Để đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, hoàn thành kế hoạch năm 2023, các ngành chức năng của tỉnh đã báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương sớm hoàn thành phân bổ kinh phí chưa phân khai chi tiết để các đơn vị có cơ sở chủ động thực hiện. Đồng thời, các đơn vị, địa phương, chủ đầu tư, ban quản lý dự án cần chủ động, tích cực và quyết liệt trong công tác triển khai, thi công, nghiệm thu khối lượng đã hoàn thành, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục giải ngân vốn đầu tư công.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Trong tháng 3, trên địa bàn tỉnh có 02 dự án FDI được cấp giấy chứng nhận đầu tư mới với tổng vốn đăng ký là 13,2 triệu USD. Tính chung quý I/2023, có 04 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư mới với tổng số vốn đăng ký là 28,1 triệu USD, tăng 03 dự án và gấp 2,9 lần về vốn đăng ký so với cùng kỳ. Lũy kế đến ngày 20/3/2023, trên địa bàn tỉnh hiện có 176 dự án FDI được cấp phép đăng ký và còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 10,39 tỷ USD.

2. Xây dựng

Giá trị sản xuất xây dựng thực hiện quý I/2023 (*theo giá hiện hành*) do các đơn vị xây dựng thường trú trên địa bàn tỉnh thực hiện ước đạt 6.075,2 tỷ đồng, bằng 75,2% quý trước và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm năm trước. Bao gồm, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 167 tỷ đồng, bằng 47,2% quý trước và tăng 54,4% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế trong nước đạt 5.908,2 tỷ đồng (*chiếm tỷ trọng 97,3%*), giảm 23,5% so với quý trước và tăng 9,2% so với cùng kỳ¹¹.

Chia theo loại công trình, giá trị công trình nhà ở ước đạt 3.015 tỷ đồng (*chiếm tỷ trọng 49,6%*), tăng 20,1% so với cùng kỳ; giá trị công trình nhà không để ở ước đạt 1.544,1 tỷ đồng (*chiếm tỷ trọng 25,4%*), tăng 10,2% so với cùng kỳ; giá trị công trình kỹ thuật dân dụng đạt 980,3 tỷ đồng (*chiếm tỷ trọng 16,1%*), tăng 7% so với cùng kỳ; còn lại hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 535,9 tỷ đồng (*chiếm tỷ trọng 8,8%*), giảm 22,2% so với cùng kỳ.

V. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Tính từ đầu năm đến giữa tháng 3/2023, số doanh nghiệp được cấp mới đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh là 195 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký là 1.446 tỷ đồng¹², tăng 10,2% về số doanh nghiệp và bằng 61,2% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động sau thời gian tạm ngừng là 168 doanh nghiệp, giảm 28,8% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 401 doanh nghiệp, tăng 10,8% so với cùng kỳ và số doanh nghiệp đóng mã số thuế

¹¹ *Khối doanh nghiệp Nhà nước và ngoài Nhà nước đạt 3.207,9 tỷ đồng, giảm 9,9% so với quý trước và tăng 12% so với cùng kỳ; các loại hình khác như cá thể, hộ dân cư, xã phường, thị trấn thực hiện 2.700,3 tỷ đồng, giảm 35,1% so với quý trước và tăng 6,2% so với cùng kỳ.*

¹² *Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư.*

là 155 doanh nghiệp, tăng 61,5% so với cùng kỳ¹³. Như vậy, tính đến giữa tháng 3/2023, số doanh nghiệp gia nhập thị trường giảm 12,1% so với cùng kỳ; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng 21,4% so với cùng kỳ, cho thấy các doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn trong quá trình phục hồi và phát triển.

Xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Kết quả điều tra xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến chế tạo quý I/2023 so với quý IV/2022 cho thấy, có 44,8% số doanh nghiệp được hỏi đánh giá tình hình tốt hơn; 26,9% số doanh nghiệp đánh giá tình hình khó khăn hơn và 28,4% số doanh nghiệp đánh giá tình hình không thay đổi. Dự báo về tình hình SXKD quý II/2023 so với quý I/2023, có 47,8% số doanh nghiệp dự báo tình hình tốt lên; 20,9% số doanh nghiệp dự báo tình hình sẽ khó khăn hơn và 31,3% số doanh nghiệp còn lại cho rằng tình hình không thay đổi.

VI. Thương mại, dịch vụ và giá tiêu dùng

1. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tiếp nối đà phục hồi tích cực từ cuối năm 2022, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh trong quý I/2023 có sự tăng trưởng rất cao, nguyên nhân chủ yếu là gốc so sánh năm trước (*quý I/2022*) thấp do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng đang phục hồi mạnh mẽ, đây là một động lực quan trọng cho sản xuất kinh doanh, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

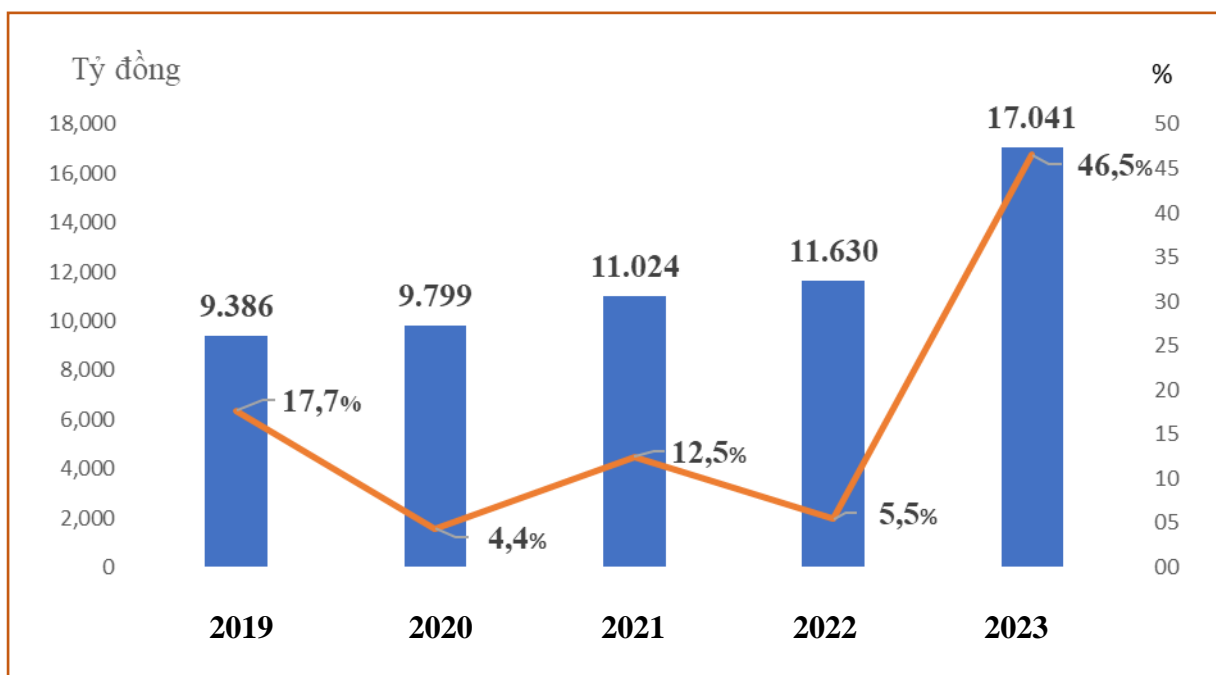
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 3/2023 ước đạt 5.642,8 tỷ đồng, tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 51,9% so với cùng kỳ. Chia theo thành phần kinh tế, khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 203,6 tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ước đạt 5.428 tỷ đồng, tăng 54% (*trong đó, khu vực cá thể đạt 3.571,1 tỷ đồng, tăng 66,5%, khu vực tư nhân tăng 34,5%*); khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 11,1 tỷ đồng, tăng 51,7% so với cùng kỳ.

Chia theo ngành kinh tế, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 3.998,6 tỷ đồng (*chiếm gần 71% tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng*), tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 36,6% so với cùng kỳ. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 956 tỷ đồng, tăng 3,8% so với tháng trước và gấp 3,3 lần so với cùng kỳ; Doanh thu dịch vụ lữ hành chiếm một phần rất nhỏ đạt 17,5 tỷ đồng, tăng 4% so với tháng trước và gấp gần 17 lần so với cùng kỳ. Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 670,7 tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 34,2% so với cùng kỳ.

Tính chung quý I/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu tiêu dùng ước đạt 17 nghìn tỷ đồng, tăng 46,5% so với cùng kỳ; đây là mức tăng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Điều đó cho thấy khu vực dịch vụ đang có sự hồi phục mạnh mẽ cả về quy mô và tốc độ tăng trưởng, là “điểm sáng” trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong quý I/2023.

¹³ Theo báo cáo của Cục Thuế tỉnh.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I các năm giai đoạn 2019-2023



Phân theo thành phần kinh tế, khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 620,8 tỷ đồng, tăng 12,1% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ước đạt 16,4 nghìn tỷ đồng, tăng 48,2%¹⁴; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 33,9 tỷ đồng, tăng 55,8% so với cùng kỳ.

Phân theo ngành kinh tế, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 12,1 nghìn tỷ đồng (*chiếm 71,1% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng*), tăng 31,3% so với cùng kỳ¹⁵; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 2,8 nghìn tỷ đồng (*chiếm 16,5%*), tăng 233,5% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ du lịch, lữ hành ước đạt 51 tỷ đồng, gấp 19,2 lần so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt trên 2 nghìn tỷ đồng, tăng 32,8% so với cùng kỳ¹⁶.

Với kết quả đạt được trong quý I/2023 như trên, để hoàn thành mục tiêu kế hoạch tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2023 (*đạt 63,8 nghìn tỷ đồng*) thì 9 tháng còn lại của năm 2023 phải đạt giá trị là 46,75

¹⁴ Trong đó, khu vực cá thể chiếm 66,1% thị phần, đạt 10.826 tỷ đồng, tăng 57,7%, khu vực kinh tế tư nhân tăng 32,7%.

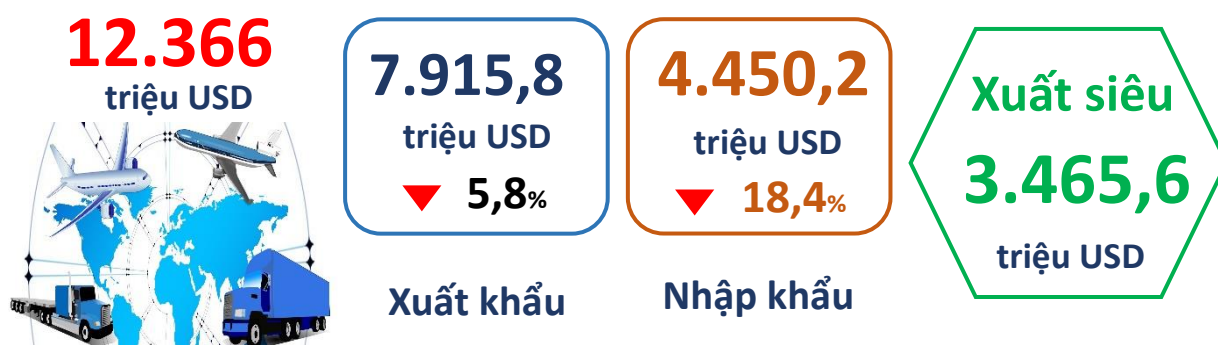
¹⁵ Hầu hết các nhóm hàng hoá đều có doanh thu quý I/2023 đạt cao hơn so với cùng kỳ, trong đó, tăng cao nhất là nhóm xăng dầu các loại ước đạt 1,7 tỷ đồng tăng 50,79%; tiếp đến là nhóm nhiên liệu khác ước đạt 46,7 tỷ đồng, tăng 41,79%, nhóm hàng lương thực, thực phẩm ước đạt 1,4 nghìn tỷ đồng tăng 36,08%; nhóm hàng hoá khác 818 tỷ đồng, tăng 38,5%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm 150 tỷ đồng, tăng 37,8%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng 771,5 tỷ đồng, tăng 36,9%...

¹⁶ Trong đó, một số nhóm ngành dịch vụ có mức tăng doanh thu so với cùng kỳ cao hơn mức tăng chung toàn ngành dịch vụ như: Dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí ước đạt 133,7 tỷ đồng, gấp 3,6 lần so với cùng kỳ; dịch vụ giáo dục và đào tạo ước đạt 42,4 tỷ đồng, tăng 48,1%; Dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội ước đạt 301,9 tỷ đồng, tăng 41,2%; dịch vụ khác 296,8 tỷ đồng, tăng 35,8%.

nghìn tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ. Nếu tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng như quý I/2023 thì sẽ sớm hoàn thành được mục tiêu kế hoạch năm 2023.

2. Xuất, nhập khẩu hàng hoá

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh quý I/2023 ước đạt 12,37 tỷ USD, giảm 10,8% so với cùng kỳ; trong đó, xuất khẩu đạt 7,92 tỷ USD, giảm 5,8%; nhập khẩu đạt 4,45 tỷ USD, giảm 18,4%. Với kết quả này, cán cân thương mại thặng dư 3,47 tỷ USD.



2.1. Xuất khẩu

Trong tháng 3/2023, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá trên địa bàn ước đạt 2,96 tỷ USD, tăng 23,6% so với tháng trước và giảm 24% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 57,53 triệu USD, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 12,6% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 2,91 tỷ USD (*chiếm trên 98% tổng giá trị xuất khẩu trên địa bàn*), giảm 24,5% so với cùng kỳ. Giá trị xuất khẩu trong tháng 3 giảm sâu so với cùng kỳ là do xuất khẩu nhóm điện thoại di động, máy tính bảng và linh kiện điện tử giảm 24,8% (*do giá trị xuất khẩu của công ty TNHH Samsung Electronic Việt Nam Thái Nguyên giảm sâu so với cùng kỳ*).

Các mặt hàng có giá trị xuất khẩu trong quý I/2023 ước giảm so với cùng kỳ như: Nhóm điện thoại thông minh, máy tính bảng và sản phẩm điện tử khác ước đạt 2,8 tỷ USD (*chiếm 94,6% tổng giá trị xuất khẩu*), tăng 24% so với tháng trước nhưng giảm 24,8% so với cùng kỳ¹⁷; kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 22,9 triệu USD, giảm 8,3%; giấy và các sản phẩm từ giấy đạt 0,3 triệu USD, giảm 11,5%; sản phẩm từ sắt thép đạt 3,2 triệu USD, giảm 22,2%; chè các loại đạt 0,1 triệu USD, giảm 41,3%. Ở chiều ngược lại, có 2 nhóm mặt hàng có giá trị xuất khẩu trong tháng 3/2023 ước đạt cao hơn so với cùng kỳ là: Sản phẩm may đạt 44,7 triệu USD, tăng 26,7%; phụ tùng vận tải đạt 0,6 triệu USD, tăng 0,4%.

Tính chung quý I/2023, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn ước đạt 7,92 tỷ USD, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm trước và đạt 22,6% kế hoạch xuất

¹⁷ Trong đó, điện thoại thông minh ước đạt 652,6 triệu USD, tăng 5% so với tháng trước và giảm 18,2% so với cùng kỳ; máy tính bảng ước đạt 163,2 triệu USD, tăng 0,1% so với tháng trước và giảm 48,5% so với cùng kỳ; nhóm sản phẩm điện tử khác và phụ tùng ước đạt gần 2 tỷ USD, tăng 34,6% so với tháng trước và giảm 23,9% so với cùng kỳ.

khẩu cả năm 2023. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 171,5 triệu USD, tăng 8% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 7,4 tỷ USD (*chiếm 97,8% kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh*), giảm 6,1% so với cùng kỳ.

Trong số các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh trong quý I/2023, hầu hết các mặt hàng đều có giá trị xuất khẩu giảm so với cùng kỳ như: Máy tính bảng đạt 486,3 triệu USD (-35,1%); sản phẩm điện tử khác và phụ tùng đạt 4,95 tỷ USD (- 8,5%); kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 69,7 triệu USD (-14,6%); sản phẩm từ sắt thép đạt 8,7 triệu USD (-18,6%); chè các loại đạt 0,4 triệu USD (giảm 34,8%); giấy và các sản phẩm từ giấy gần 1 triệu USD (-3,4%). Chỉ có 03 nhóm hàng hoá có giá trị xuất khẩu tính chung quý I/2023 ước đạt cao hơn cùng kỳ là: Sản phẩm may 132,6 triệu USD (+23%); điện thoại thông minh trên 02 tỷ USD (+14%); phụ tùng vận tải đạt 1,7 triệu USD (+8,1%).

Về thị trường xuất khẩu: Thị trường xuất khẩu hàng hoá lớn nhất của tỉnh là thị trường Châu Á (*chiếm khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu*), trong đó, thị trường Hàn Quốc chiếm 12%, các tiểu vương quốc Ả-rập Thống Nhất chiếm 6%, Trung Quốc chiếm 3%...); tiếp đến là thị trường Châu Mỹ (*chiếm khoảng 29% tổng giá trị xuất khẩu*), trong đó, riêng thị trường Mỹ chiếm tỷ trọng 27%. Toàn bộ giá trị xuất khẩu hàng hoá của tỉnh trong quý I/2023 là xuất khẩu theo hình thức trực tiếp.

2.2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh tháng 3/2023 ước đạt 1,58 tỷ USD, tăng 13,9% so với tháng trước nhưng giảm 25,4% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 37,3 triệu USD, tăng 3,5% so với tháng trước và tăng 10,3% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 1,55 tỷ USD (*chiếm 97,6% tổng kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn*), tăng 14,2% so với tháng trước nhưng giảm 26% so với cùng kỳ, chiếm 97,6%.

Giá trị nhập khẩu hàng hoá trong tháng 3/2023 giảm là do nhập khẩu nguyên liệu, linh kiện điện tử chỉ đạt 1,47 tỷ USD (*chiếm gần 93% tổng giá trị nhập khẩu*) giảm 27,2% so với cùng kỳ; ngoài ra, giấy các loại 0,44 triệu USD, giảm 38,5% so với cùng kỳ. Ở chiều ngược lại, nhóm các mặt hàng có giá trị nhập khẩu trong tháng 3/2023 ước đạt cao hơn so với cùng kỳ như: Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng 13,6 triệu USD (+24%); nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc 5 triệu USD (+54,44%); chất dẻo (plastic) nguyên liệu 8,1 triệu USD (+19,7%); vải các loại 13,3 triệu USD (+3,1%); máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng 13,6 triệu USD (+24%); nguyên, phụ liệu dệt may 6,2 triệu USD (+4%); sản phẩm từ sắt thép 3 triệu USD (+3,3%).

Tính chung trong quý I/2023, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh ước đạt 4,45 tỷ USD, giảm 18,4% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 113,2 triệu USD, tăng 11%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 4,34 tỷ USD (*chiếm 97,5% tổng kim ngạch nhập khẩu*), giảm 19% so với cùng kỳ.

Trong số các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu, nhóm mặt hàng có giá trị nhập khẩu tính chung quý I/2023 ước đạt thấp hơn so với cùng kỳ như: Nguyên liệu

và linh kiện điện tử 4,12 tỷ USD (-20,4%); giấy các loại 1,2 triệu USD (-23,7%); sản phẩm từ sắt thép 9,3 triệu USD (-9,1%). Ở chiều ngược lại, nhóm các mặt hàng có giá trị nhập khẩu trong quý I/2023 ước đạt cao hơn so với cùng kỳ như: Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc 19,1 triệu USD (+94,4%); chất dẻo (plastic) nguyên liệu 25,1 triệu USD (+32,8%); vải các loại 38,2 triệu USD (+6,5%); nguyên phụ liệu dệt may 17,3 triệu USD (+4,4%); máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng 39,6 triệu USD (+7,3%).

Các mặt hàng nhập khẩu trong quý I/2023 đều được nhập khẩu theo hình thức trực tiếp và chủ yếu là nhập khẩu từ thị trường Châu Á (*chiếm trên 90% tổng kim ngạch nhập khẩu*) như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore,...

3. Vận tải

Doanh thu vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh tháng 3/2023 ước đạt 598,7 tỷ đồng, tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 41,5% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 436,8 tỷ đồng, tăng 3,1% so với tháng trước và tăng 36% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 107,4 tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 69,9% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 42,5 tỷ đồng, tăng 3,5% so với tháng trước và tăng 41,8% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động bưu chính, chuyên phát ước đạt 12 tỷ đồng, giảm 1,2% so với tháng trước và tăng 37,8% so với cùng kỳ.

Ước tính doanh thu vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh tính chung quý I/2023 ước đạt 1,77 nghìn tỷ đồng, tăng 39,2% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 1,29 nghìn tỷ đồng, tăng 33,6%; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 321,6 tỷ đồng, tăng 65,2%; doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 126,3 tỷ đồng, tăng 42,8%; doanh thu hoạt động bưu chính, chuyên phát ước đạt 36,5 tỷ đồng, tăng 42,7% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Khối lượng vận chuyển hành khách tháng 3/2023 ước đạt 2,6 triệu lượt hành khách, tăng 1% so với tháng trước và tăng 54,7% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 117,4 triệu lượt hành khách.km, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 61% so với cùng kỳ.

Tính chung quý I/2023, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 7,5 triệu lượt hành khách, tăng 59,4% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 346,4 triệu lượt hành khách.km, tăng 61% so với cùng kỳ.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng vận chuyển hàng hóa tháng 3/2023 ước đạt 4,8 triệu tấn, tăng 3,1% so với tháng trước và tăng 26,5% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 201,1 triệu tấn.km, tăng 3,1% so với tháng trước và tăng 31% so với cùng kỳ.

Tính chung quý I/2023, khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 13,9 triệu tấn, tăng 25,8% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 582,73 triệu tấn.km, tăng 28,8% so với cùng kỳ.

3. Giá tiêu dùng

Trước những biến động về giá một số hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp về quản lý, điều hành để bình ổn giá, hạn chế những biến động của mặt bằng giá gây tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống Nhân dân. Theo đó, nhìn chung mặt bằng giá cả trong quý I/2023 vẫn cơ bản được kiểm soát.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 và quý I/2023 chịu tác động của các yếu tố như: Nhà nước điều chỉnh giá xăng dầu, giá gas theo giá nhiên liệu thế giới và điều chỉnh giá xăng, dầu theo mức thuế bảo vệ môi trường từ 01/01/2023; giá điện sinh hoạt tăng do nhu cầu tiêu dùng; giá một số mặt hàng lương thực, thực phẩm và mặt hàng vật liệu xây dựng (sắt, thép, xi măng,...) có xu hướng tăng. Theo đó, CPI tháng 3/2023 giảm 0,42% so với tháng trước, tăng 2,08% so với cùng kỳ. Bình quân quý I/2023, CPI tăng 3,41% so với cùng kỳ năm trước.

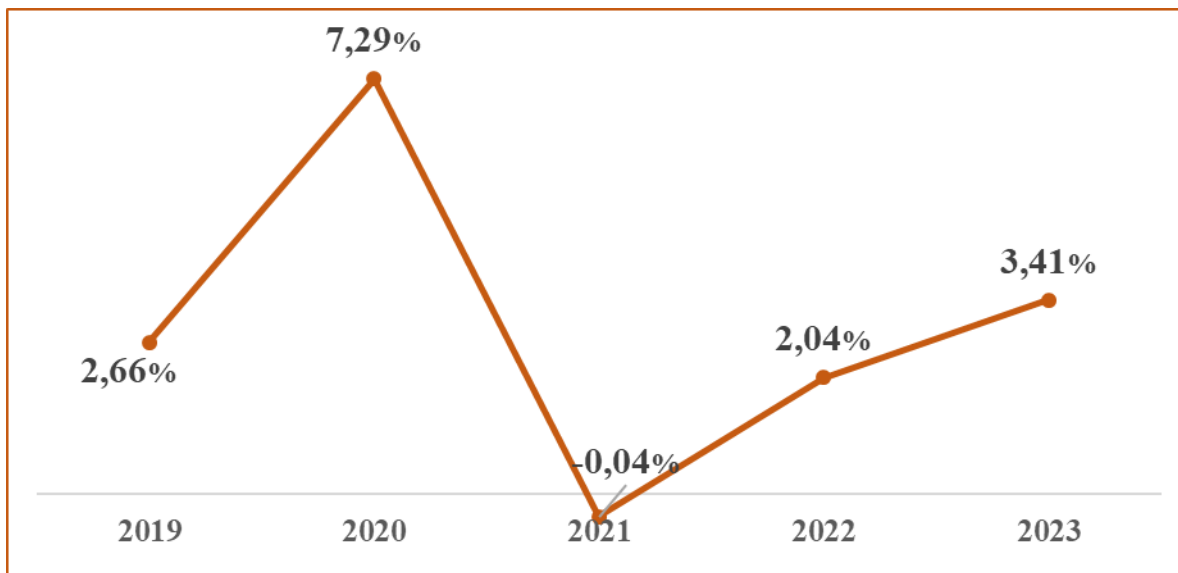
So với tháng trước, CPI tháng 3/2023 giảm 0,42%. 3/11 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,08% (do nhóm thực phẩm giảm 1,61%, kéo theo nhóm ăn uống ngoài gia đình giảm 0,01%); nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giảm 1,14% (giá nhóm quần áo may sẵn giảm 1,77%); nhóm văn hoá, giải trí và du lịch giảm 0,35%. Ở chiều ngược lại 7/11 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá tăng là: Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,31%); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+0,18%); nhóm đồ uống và thuốc lá (+0,17%); nhóm nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,12%); nhóm đồ dùng và dịch vụ khác (+0,18%); nhóm bưu chính, viễn thông (+0,06%); nhóm giao thông (+0,04%); nhóm thuốc và dịch vụ y tế (0,01%). Nhóm duy nhất có chỉ số giá ổn định là nhóm giáo dục.

So với cùng kỳ (tháng 3/2022), CPI tháng 3/2023 tăng 2,08%. Có 7/11 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá tăng, trong đó tăng cao nhất là nhóm giáo dục, tăng 67,72% (đóng góp 2,88 điểm phần trăm trong mức tăng CPI chung); tiếp đến là nhóm thiết bị đồ dùng gia đình tăng 1,42%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,36%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,10%; nhóm đồ dùng và dịch vụ khác tăng 1,07%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,81%; nhóm nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,67%. Ở chiều ngược lại, có 4/11 nhóm hàng có chỉ số giá giảm là: Nhóm giao thông giảm 6,73% (làm CPI chung giảm 0,70 điểm phần trăm); nhóm bưu chính, viễn thông giảm 1,41%; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép giảm 0,45%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,21%.

Bình quân quý I/2023, CPI tăng 3,41% so với cùng kỳ. Trong 11 nhóm hàng hoá, dịch vụ tính chỉ số giá thì có 08 nhóm có chỉ số giá tăng là: Nhóm giáo dục tăng 67,82% (làm CPI chung tăng 2,88 điểm phần trăm); nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,25% (làm CPI chung tăng 1,21%); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,1%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,46%; nhóm nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng, tăng 1,37%; nhóm đồ dùng và dịch vụ khác tăng 0,97%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,84%; nhóm may mặc, mũ nón, giày

dép tăng 0,42%. Có 03 nhóm có chỉ số giá giảm là: nhóm giao thông giảm 3,70% (làm CPI chung giảm 0,39 điểm phần trăm); nhóm dịch vụ giao thông công cộng tăng 24,01%; nhóm bưu chính viễn thông giảm 1%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế giảm 0,84%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch, giảm 0,2%.

**Tốc độ tăng/giảm CPI bình quân quý I so với cùng kỳ năm trước
giai đoạn 2019 - 2023**



Hiện nay diễn biến giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu trên thế giới tiếp tục gia tăng và dự báo có những biến động thất thường; điều này tạo áp lực rất lớn đến chi phí sản xuất, nguồn cung. Do vậy, ngành chức năng của tỉnh cần tiếp tục theo dõi sát tình hình thực tế, chủ động đề xuất các giải pháp trong công tác quản lý điều hành giá để ổn định mặt bằng giá cả trên địa bàn tỉnh.

Chỉ số giá vàng: Chỉ số giá vàng tháng 3/2023 giảm 1,33% so với tháng trước; giảm 2,19% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1,77% so với tháng 12/2022. Chỉ số giá vàng bình quân quý I/2023 tăng 0,17% so với bình quân cùng kỳ.

Chỉ số giá Đô la Mỹ: Chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 03/2023 tăng 0,26% so với tháng trước; tăng 3,41% so với cùng kỳ năm trước và giảm 0,77% so với tháng 12/2022. Chỉ số giá Đô la Mỹ bình quân quý I/2023 tăng 3,53% so với bình quân cùng kỳ.

B. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Tình hình lao động và việc làm

Ngay từ đầu năm 2023, ngành chức năng và các địa phương của tỉnh đã thực hiện nhiều giải pháp về cung - cầu lao động, trong đó, chú trọng phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các phiên giao dịch việc làm, tạo kết nối giữa doanh nghiệp với người lao động. Đẩy mạnh rà soát, nắm bắt tình hình nhu cầu tuyển dụng, cắt giảm sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp FDI, các ngành sử dụng nhiều lao động (như may mặc, sản xuất linh kiện điện tử...) để có phương án kết nối cung - cầu lao động, kết nối người lao động với người sử dụng lao động có nhu cầu.

Theo số liệu tổng hợp của ngành chức năng, trong quý I, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có nhu cầu tuyển dụng gần 3.000 lao động. Trong đó, nhóm sản xuất linh kiện điện tử, may công nghiệp cần tuyển hơn 1.600 chỉ tiêu¹⁸; nhóm nhân viên cơ khí, điện cần tuyển 40 chỉ tiêu; nhóm nhân viên bảo vệ, vệ sinh công nghiệp cần tuyển gần 850 chỉ tiêu; nhóm liên kết tuyển dụng lao động, đào tạo nghề, học nghề về kinh doanh dịch vụ tại các sân bay hàng không cần tuyển 500 chỉ tiêu. Các đơn vị tham gia tuyển dụng cam kết thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước.

Tính chung trong quý I/2023, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp giảm 5,68% so với cùng kỳ. Chia theo loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước giảm 2,74%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,1%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 8,06% so với cùng kỳ. Chia theo ngành hoạt động, ngành khai khoáng giảm 1,23%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 5,84%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 2,01%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 3,46% so với cùng kỳ.

2. Hoạt động văn hóa và thể dục, thể thao, du lịch

Trong quý I/2023, trên địa bàn tỉnh đã tổ chức có hiệu quả các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ, các sự kiện như: Mừng Xuân Quý Mão 2023; các hoạt động tuyên truyền, kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2022); các hoạt động kỷ niệm 80 năm ra đời “Đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2023)”; triển khai thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; triển khai thực hiện công tác gia đình năm 2023. Xây dựng kế hoạch tham gia thi đấu thể thao các giải vô địch quốc gia. Thực hiện tuyên truyền quảng bá du lịch Thái Nguyên trên website Du lịch Thái Nguyên, Cổng du lịch thông minh và các kênh trên nền tảng mạng xã hội.

*** Lĩnh vực văn hoá:**

Lĩnh vực văn hóa, gia đình: Quý I/2023 tập trung thực hiện các nội dung tuyên truyền, phối hợp tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân Quý Mão (*Lễ hội Thơ Nguyên tiêu, Hội báo Xuân Thái Nguyên...*). Triển khai thực hiện tổ chức Lễ Tưởng niệm 50 năm Ngày hy sinh của 60 liệt sĩ Thanh niên xung phong Đại đội 915, Đội 91 Bắc Thái. Triển khai tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm ra đời “Đề cương về văn hóa Việt Nam” (1943-2023)...

Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, xây dựng nông thôn mới: Trong quý I/2023 ngành chức năng trình UBND tỉnh Quyết định công nhận danh hiệu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” 05 năm (*giai đoạn 2018 -2022*) đối với 12 cơ quan, 14 đơn vị và 04 doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện quy trình xây dựng chính sách, định mức hỗ trợ xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

¹⁸ Trong đó, ngành may mặc cần 200 chỉ tiêu; ngành sản xuất và chế biến giấy cần tuyển khoảng 300 chỉ tiêu...

Hoạt động bảo tàng: Phục vụ khai thác thông tin tư liệu cho các cá nhân, cơ quan, báo chí, truyền hình đưa tin trong dịp Tết Nguyên đán; tổ chức khảo sát sưu tầm đợt I với chủ đề “Sưu tầm tài liệu hiện vật về văn hoá các dân tộc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”; thực hiện kiểm kê khoa học, bảo quản tài liệu hiện vật tại kho cơ sở và các phòng trưng bày; lựa chọn, lập danh mục hiện vật số hóa năm 2023. Tổ chức Lễ hội Trà Xuân Tân Cương. Trong quý I/2023, đón tiếp trên 5.300 lượt khách tham quan tại Không gian văn hoá trà Tân Cương và 02 phòng trưng bày chuyên đề.

Hoạt động khu di tích lịch sử và sinh thái ATK - Định Hóa: Xây dựng kế hoạch khảo sát, sưu tầm tài liệu, hiện vật liên quan đến thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, hiện vật dân tộc học và thời kỳ bao cấp phục vụ trưng bày bổ sung tại di tích Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa. Tiếp tục triển khai thực hiện các hạng mục Đề án trải nghiệm du lịch “ATK Định Hóa - Thủ đô gió ngàn”; thực hiện công tác bảo quản, vệ sinh định kỳ hiện vật tại kho bảo quản, Nhà trưng bày ATK Định Hóa, Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh và tại các điểm di tích. Quý I/2023 đã đón tiếp 655 đoàn với trên 114 nghìn lượt khách dâng hương tại Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tham quan các di tích.

Hoạt động phát hành phim và chiếu bóng: Quý I/2023 tổ chức 106 buổi chiếu phim, trong đó 96 buổi phục vụ xã vùng sâu, vùng xa, xã đặc biệt khó khăn, đối tượng chính sách và 10 buổi phục vụ nhiệm vụ chính trị tại Rạp chiếu bóng nhân dân tỉnh.

Hoạt động thư viện: Cấp 67 thẻ bạn đọc, phục vụ 9.195 lượt bạn đọc; luân chuyển 19.371 lượt sách báo; phục vụ 356 lượt bạn đọc đến tìm hiểu, học tập, tra cứu thông tin tại phòng Internet; trên 21.550 lượt truy cập website của Thư viện tỉnh. Thực hiện 04 cuộc giới thiệu sách trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh. Lược thuật báo Trung ương viết về Thái Nguyên quý I/2023, in và phát hành 90 bản lược thuật. Tổ chức Hội báo Xuân, phòng đọc báo Xuân Quý Mão; tổ chức trưng bày, sách, báo, ảnh, tư liệu Kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, những thành tựu kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên, tuyên truyền mừng Đảng, mừng Xuân, mừng đất nước đổi mới.

*** Lĩnh vực thể thao:**

Ngành chức năng tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch, thành lập Ban Tổ chức (BTC) và tổ chức Hợp phân công nhiệm vụ thành viên BTC Lễ phát động Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân và giải Việt dã Tiền Phong - chạy tập thể tỉnh Thái Nguyên năm 2023; ban hành quyết định cử huấn luyện viên, vận động viên tham gia giải Vô địch Jujitsu thế giới tại Thái Lan. Quyết định cử đoàn HLV, VĐV tham gia thi đấu các giải thể thao toàn quốc, các môn: Bóng đá nữ, Muay, Kickboxing, Jujitsu, Taekwondo, bóng chuyền, vật...

Công tác đào tạo học sinh năng khiếu TDTT: Tham gia thi đấu giải Vô địch Bóng đá nữ U16 quốc gia đạt huy chương đồng; tham gia thi đấu giải Vô địch Cử tạ thanh thiếu niên quốc gia đạt 09 huy chương (gồm 01 HCV, 04 HCB, 04 HCD). Xây dựng kế hoạch thành lý và tuyển chọn vận động viên trẻ, học sinh năng khiếu

thể thao đợt 1 năm 2023. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo học sinh năng khiếu, chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện.

Thể thao thành tích cao: Ngay từ đầu năm 2023, ngành chức năng xây dựng kế hoạch huấn luyện của các đội tuyển. Duy trì tập luyện thường xuyên của các đội tuyển thể dục thể thao. Thực hiện thành lý tuyển chọn vận động viên đợt I. Các bộ môn Wushu, Kickboxing, Jujitsu, Vật, Bóng đá nữ tham gia thi đấu giải toàn quốc, kết quả đạt 54 huy chương (15 HCV, 15 HCB, 24 HCD), đạt 01 cờ nhất, 01 cờ nhì toàn đoàn, trong đó, có 03 HCV, 02 HCB, 02 HCD tại giải Jujitsu Châu Á.

*** Lĩnh vực du lịch:**

Trong quý I/2023 ngành chức năng đã tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị Ban chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên, tổng kết công tác phát triển du lịch năm 2022, triển khai phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, trao giải cuộc thi thiết kế Biểu trưng (Logo), Khẩu hiệu (Slogan) và sản phẩm lưu niệm, quà tặng du lịch tỉnh Thái Nguyên; quyết định công nhận 02 điểm du lịch địa phương tại xóm Mỏ Gà, huyện Võ Nhai và xã Tân Cương, TP Thái Nguyên.

Thường xuyên duy trì đảm bảo có hiệu quả công tác quảng bá, xúc tiến du lịch Thái Nguyên trên website, cổng du lịch thông minh và các kênh quảng bá trên nền tảng mạng xã hội. Kết quả cụ thể, đã đăng tải lên Website Du lịch Thái Nguyên 40 tin, bài viết, 186 ảnh quảng bá về du lịch Thái Nguyên đã thu hút được trên 380 nghìn lượt truy cập; Cổng du lịch thông minh thu hút được trên 40 nghìn lượt truy cập; Zalo official account đã đăng tải 40 tin, bài thu hút được trên 11 nghìn lượt xem bài viết.

3. Tình hình thực hiện chính sách xã hội

*** Thực hiện chính sách ưu đãi Người có công:**

Công tác thăm hỏi, tặng quà Tết: Ngành chức năng đã tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả thăm tặng quà người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023. Kết quả như sau: Tổng số 52.336 suất quà với tổng số tiền là 18.761,21 triệu đồng, trong đó, quà của Tổng Bí thư tặng cho 20 người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền là 43 triệu đồng (2.150.000đ/suất); quà của Chủ tịch nước tặng 20.112 suất với tổng số tiền là 6.255,3 triệu đồng; quà của tỉnh tặng theo Nghị quyết 17 là 21.049 suất với tổng số tiền là 8.277,2 triệu đồng; quà của cấp huyện, cấp xã là 8.722 suất với tổng số tiền là 2.994,6 triệu đồng; quà của các doanh nghiệp 2.389 suất với số tiền là 1.115,41 triệu đồng; tặng quà cho trung tâm trong và ngoài tỉnh 44 suất số tiền là 75,7 triệu đồng.

Theo báo cáo của ngành chức năng, trong quý I/2023 toàn tỉnh thực hiện di chuyển 07 hồ sơ thương binh đi tỉnh ngoài; di chuyển hồ sơ trong tỉnh 03 trường hợp; tiếp nhận 06 hồ sơ tỉnh ngoài chuyển đến; trợ cấp một lần mới được công nhận 01 trường hợp. Trợ cấp mai táng phí cho 293 trường hợp. Trợ cấp 11 người phục vụ người có công. Trợ cấp thờ cúng liệt sĩ 32 trường hợp. Giải quyết trợ cấp vợ liệt sĩ tái giá 01 trường hợp. Giải quyết chế độ mai táng phí cho 187

trường hợp theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định của Chính phủ với tổng số tiền là 2.783 triệu đồng.

*** Công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội:**

Thực hiện kiểm tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021, phát sinh 5 tháng năm 2022 và cuối năm 2022 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 của Chính phủ. Tổng số 9/9 huyện, thành phố đã được kiểm tra với 54 xã, phường, thị trấn; đối soát 9.929 hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2022 với kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021; kiểm tra thực tế tại 188 hộ gia đình (148 hộ đã thoát nghèo, thoát cận nghèo; 40 hộ đang là hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023).

Tiếp tục thực hiện rà soát, tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh giảm danh sách đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 được hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP đã được phê duyệt danh sách nhưng không thực hiện hỗ trợ hoặc hỗ trợ một phần trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tổng số 1.338 đối tượng với kinh phí giảm 1,1 tỷ đồng; trong đó, đối tượng người có công, thân nhân người có công, vợ hoặc chồng liệt sỹ đã lấy chồng hoặc vợ khác giảm 24 người với kinh phí 36 triệu đồng; đối tượng bảo trợ xã hội giảm 138 người với kinh phí 188,5 triệu đồng; người thuộc hộ nghèo giảm 437 người với kinh phí 327,2 triệu đồng; người thuộc hộ cận nghèo giảm 735 người với kinh phí 550,2 triệu đồng; người lao động khó khăn giảm 04 người với kinh phí 3,7 triệu đồng.

*** Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em:**

Ngành chức năng của tỉnh đã phối hợp với UBND huyện Võ Nhai thực hiện hỗ trợ đồ ấm trị giá 100 triệu đồng cho trẻ em ở địa bàn xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023. Thăm, tặng quà 01 trẻ em bị xâm hại tại xã Yên Đổ, huyện Phú Lương và 01 trẻ em mồ côi có hoàn cảnh khó khăn tại xã Diềm Mặc, huyện Định Hóa từ nguồn Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh với số tiền 5,7 triệu đồng; phối hợp với Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên tặng quà chương trình “Con đường ước mơ” trị giá 100 triệu đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại xã Phúc Tân, TP Phổ Yên...

Phối hợp với Tổ chức SAP-VN, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng tỉnh tổ chức chương trình khám sàng lọc cho trẻ em bị khuyết tật hệ vận động năm 2023 tại các huyện, thành phố. Chương trình đã khám cho 265 trẻ và chỉ định phẫu thuật, cấp dụng cụ chỉnh hình cho 62 trẻ...

4. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Trong quý I/2023 tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh được kiểm soát; công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế thực hiện tốt việc trực chuyên môn 24/24h. Dịch bệnh Covid-19 và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác được ngành chức năng kiểm soát chặt chẽ, công tác tuyên truyền, tiêm vắc xin phòng chống sự lây lan của dịch bệnh được thực hiện tốt. Không phát sinh vụ ngộ độc thực phẩm.

*** Tình hình phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn:**

Tiếp tục duy trì các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, sẵn sàng ứng phó với các tình huống có thể xảy ra. Tổng số ca mắc Covid-19 của tỉnh từ đầu dịch đến 20/3/2023 là 343.180 trường hợp; 118 trường hợp tử vong (*chủ yếu ở quý I/2022, là người già và người có bệnh nền*). Hiện còn 01 trường hợp đang được quản lý, điều trị tại bệnh viện. Riêng trong năm 2023 (*tính từ ngày 01/01/2023 đến 20/3/2023*) trên địa bàn tỉnh ghi nhận 32 trường hợp nhiễm Covid-19 (*chủ yếu là những trường hợp mức độ nhẹ, trong dịp Tết Nguyên đán năm 2023 ghi nhận 02 ca nhiễm Covid-19*).

- Công tác tiêm vắc xin phòng Covid-19 (*tính đến ngày 20/3/2023*):

Người từ 18 tuổi trở lên (*tổng số đối tượng từ 18 tuổi trở lên là 892.803 người*); số tiêm ít nhất 1 mũi: 887.328 người (đạt 99,4%); số tiêm 2 mũi: 886.566 người (đạt 99,3%); số tiêm mũi nhắc lại lần 1: 692.688 liều/786.658 người (đạt 88,1%); số tiêm mũi nhắc lại lần 2: 234.342 liều/255.068 người (đạt 91,9%).

Trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi (*tổng đối tượng từ 12 đến dưới 18 tuổi là 116.561 trẻ*): Số tiêm ít nhất 1 mũi: 115.836 trẻ (đạt 99,4%); số tiêm 2 mũi: 115.758 trẻ (đạt 99,3%); số tiêm mũi nhắc lại lần 1: 98.643 liều/114.272 trẻ (đạt 86,3%).

Trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi (*tổng đối tượng từ 5 đến dưới 12 tuổi là 160.179 trẻ*): Số tiêm ít nhất 1 mũi: 156.790 trẻ (đạt 97,9%); số tiêm 2 mũi: 140.238 trẻ (đạt 87,6%).

*** Tình hình các bệnh truyền nhiễm khác:**

Các dịch, bệnh truyền nhiễm tiếp tục được giám sát chặt chẽ; từ ngày 01/3/2023 đến ngày 20/3/2023 trên địa bàn tỉnh có 01 ca sốt xuất huyết và 01 ca tay chân miệng. Tính từ đầu năm 2023 đến ngày 20/3/2023, có 08 ca mắc quai bị; 04 ca mắc tay chân miệng; 03 ca mắc sốt xuất huyết và 79 ca mắc thủy đậu. So với cùng kỳ, số ca quai bị tăng 03 ca; tay chân miệng tăng 04 ca; sốt xuất huyết tăng 03 ca và thủy đậu tăng 57 ca.

*** Tình hình nhiễm HIV/AIDS:**

Hoạt động giám sát ca nhiễm HIV chuyên gửi điều trị và giám sát, hỗ trợ kỹ thuật các tuyến về hoạt động phòng chống HIV/AIDS duy trì tốt. Lũy tích đến ngày 28/02/2023 số người nhiễm HIV/AIDS là 9.346 người, tăng 121 người so với cùng kỳ năm 2022. Số tử vong do HIV/AIDS là 4.597 người, tăng 81 người so với cùng kỳ năm 2022.

*** Công tác khám chữa bệnh:**

Trong quý I/2023, các bệnh viện, trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt việc trực chuyên môn 24/24 giờ; có phương án bảo đảm đủ nhân lực, thuốc, trang thiết bị, sinh phẩm y tế, vật tư, hóa chất... để phục vụ công tác phòng, chống dịch và khám, cấp cứu, điều trị người bệnh, không để xảy ra sai sót chuyên môn.

*** Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm:**

Tính từ đầu năm đến ngày 20/3/2023, không có vụ ngộ độc thực phẩm tập thể xảy ra trên địa bàn tỉnh.

5. Giáo dục, đào tạo

Ngành giáo dục đã tập trung chỉ đạo các nhà trường tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc Khung kế hoạch thời gian năm học, tất cả các nhà trường đã hoàn thành chương trình học kỳ I, đang thực hiện theo đúng kế hoạch chương trình của học kỳ II năm học 2022-2023.

Ngành giáo dục tiếp tục tăng cường các hoạt động chuyên môn, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các cấp học; tổ chức thi thử tốt nghiệp THPT lần thứ nhất; hướng dẫn công tác tuyển sinh năm học 2023-2024; kiểm tra công tác thực hiện công vụ, cải cách hành chính các đơn vị theo kế hoạch; chuẩn bị cho thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, năm học 2022-2023, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục có thành tích tốt, xếp thứ 15 trong các tỉnh, thành của toàn quốc. Tổng số có 53 học sinh đoạt giải, trong đó có 01 giải Nhất, 09 giải Nhì, 15 giải Ba và 28 giải Khuyến khích.

Số trường đạt chuẩn quốc gia: Tính đến tháng 3/2023 toàn tỉnh có 597/683 trường học các cấp đạt trường chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 87,4%.

6. Tình hình trật tự an toàn giao thông

* *Tình hình tai nạn giao thông:*

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, trong tháng 3/2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ tai nạn giao thông (*toàn bộ là giao thông đường bộ*), không có người chết và bị thương 02 người. So với cùng kỳ, số vụ tai nạn giảm 02 vụ (-40%), số người chết giảm 01 người (-100%); số người bị thương giảm 03 người (-60%).

Tính chung quý I/2023, tình hình trật tự an toàn giao thông đường sắt, đường thủy ổn định, không xảy ra tai nạn giao thông. Trên đường bộ, đã xảy ra 09 vụ tai nạn giao thông, làm chết 01 người và bị thương 04 người. So với cùng kỳ năm 2022, số vụ tai nạn giao thông giảm 05 vụ (-35,71%); số người chết giảm 01 người (-50%); số người bị thương giảm 08 người (-66,67%)¹⁹.

* *Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông*

Trong tháng 3/2023, ngành chức năng đã kiểm tra, lập biên bản xử lý vi phạm 2.432 trường hợp vi phạm giao thông đường bộ; tước 637 giấy phép lái xe; tạm giữ 83 xe ô tô; 1.099 xe mô tô; số tiền xử phạt là trên 4,7 tỷ đồng. Về đường thủy nội địa đã xử lý 05 trường hợp vi phạm, thu nộp ngân sách Nhà nước 3,7 triệu đồng.

Lũy kế 3 tháng, lập biên bản xử lý vi phạm 7.723 trường hợp vi phạm giao thông đường bộ (*tăng 1.603 trường hợp so với cùng kỳ*); tước giấy phép lái xe 1.999 (*tăng 1.423 trường hợp*); tạm giữ 218 ô tô (*tăng 98 xe*); tạm giữ

¹⁹ Trong đó, TP Thái Nguyên xảy ra 06 vụ (chiếm 66,7%), không có người chết và 3 người bị thương; TP Phổ Yên, huyện Phú Lương, huyện Đại Từ mỗi đơn vị có 01 vụ tai nạn giao thông; còn lại các địa phương khác không có vụ tai nạn giao thông nào xảy ra.

3.129 xe mô tô (*tăng 2.216 xe*); tạm giữ 15 phương tiện khác (*tăng 11 trường hợp*); số tiền xử phạt thu nộp ngân sách Nhà nước là 14 tỷ đồng, tăng 8,5 tỷ đồng so với cùng kỳ. Đường thủy có 06 vụ vi phạm (*giảm 17 trường hợp so với cùng kỳ*), số tiền xử phạt thu nộp ngân sách Nhà nước là 4,5 triệu đồng (*giảm 44,8 triệu đồng so với cùng kỳ*).

*** Công tác quản lý phương tiện giao thông**

Trong tháng 3/2023, toàn tỉnh cấp đăng ký mới cho 560 xe ô tô; 2.093 xe mô tô; 228 xe máy điện. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2023, tổng số phương tiện đã đăng ký mới trên địa bàn tỉnh là 965.665 xe, tăng 43,8 nghìn xe (+1,48%) so với cùng kỳ.

7. Công tác phòng chống cháy, nổ

Tính từ ngày 16/2/2023 đến 18/03/2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy tại huyện Võ Nhai. Vụ cháy đều không gây thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 400 triệu đồng. Nguyên nhân cháy là do sơ suất trong quá trình sử dụng nguồn lửa. So với cùng kỳ, số vụ cháy tương đương, giá trị thiệt hại tăng 400 triệu đồng.

Lũy kế 3 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 16 vụ cháy, không gây thiệt hại về người; ước tính giá trị thiệt hại khoảng 890,2 triệu đồng. So với cùng kỳ, số vụ cháy tăng 09 vụ và giá trị thiệt hại tăng 411,5 triệu đồng. Từ đầu năm đến nay trên địa bàn không có vụ nổ xảy ra.

8. Vi phạm môi trường

Trong tháng 3/2023, trên địa bàn tỉnh có 01 vụ vi phạm về môi trường, ngành chức năng đã tiến hành kiểm tra, xử phạt 350 triệu đồng. Tính chung quý I/2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ vi phạm môi trường, giảm 07 vụ so với cùng kỳ và số tiền xử phạt giảm 96 triệu đồng.

9. Công tác phòng chống thiên tai

Trong quý I/2023, ngành chức năng của tỉnh luôn theo dõi, cập nhật diễn biến thông tin tình hình thời tiết, thiên tai trên địa bàn. Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/3/2023, trên địa bàn tỉnh không xảy ra đợt thiên tai nào.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Với việc chủ động xây dựng và triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; đồng thời tiếp tục tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực đột phá để phát triển kinh tế theo mục tiêu đã đề ra nên tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong quý I/2023 đã đạt được nhiều kết quả khá tích cực. Những điểm sáng trong “bức tranh” kinh tế - xã hội của tỉnh quý I/2023 như:

- Sản xuất công nghiệp duy trì được đà tăng trưởng (*IIP quý I ước tăng 6,11%; GTSX công nghiệp ước tính quý I/2023 tăng 5,51% so với cùng kỳ*) trong bối cảnh cả nước nói chung và một số tỉnh có quy mô công nghiệp lớn như Bắc Ninh, Vĩnh Phúc... giảm so với cùng kỳ.

- Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây và đạt cao hơn mức trung bình chung của cả nước.

- Trong đầu tư, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng “hai con số” so với cùng kỳ; 04 dự án FDI đăng ký mới trong quý I/2023 (tính đến 20/3/2023) với số vốn đăng ký đạt 28,1 triệu USD, tăng 3 dự án và gấp 2,9 lần về số vốn đăng ký so với cùng kỳ. Điều này cho thấy nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục tin tưởng và môi trường đầu tư tỉnh Thái Nguyên.

- Lạm phát được kiểm soát tốt, CPI bình quân quý I/2023 tăng 3,41% so với cùng kỳ, thấp hơn bình quân chung cả nước; mặt bằng giá cả hàng hoá, đặc biệt là nhóm hàng hoá thiết yếu cơ bản ổn định, góp phần ổn định đời sống của người dân trên địa bàn.

Tuy nhiên, bên cạnh những “điểm sáng” như trên, kinh tế - xã hội của tỉnh còn bộc lộ những hạn chế và tiếp phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, gây sức ép cho sự phát triển kinh tế - xã hội các quý tiếp theo và có thể tác động đến mục tiêu tăng trưởng cả năm 2023 đã đề ra như:

- Sự tăng trưởng của nhiều ngành, lĩnh vực đạt được trong quý I/2023 một phần là do hiệu ứng cơ sở thấp, được thúc đẩy bởi phục hồi của tiêu dùng cá nhân trong nước sau đại dịch Covid-19.

- Thị trường xuất khẩu đang có xu hướng suy giảm, giá trị xuất khẩu quý I/2023 ước tính giảm 5,8% so với cùng kỳ. Giá trị nhập khẩu ước tính quý I giảm 18,4% so với cùng kỳ cho thấy nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, linh kiện phục vụ sản xuất của các doanh nghiệp đang có xu hướng giảm. Hơn nữa, xung đột Nga - Ukraine là một trong những yếu tố có thể khiến giá năng lượng biến động thất thường, tính bất định trở nên cao hơn, là nguyên nhân khiến kinh tế của khu vực EU khó khăn, đây cũng thị trường xuất khẩu hàng hoá quan trọng của tỉnh.

- Thị trường và doanh nghiệp bất động sản gặp nhiều khó khăn; rủi ro trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp tăng... đã và đang tác động trực tiếp, rõ nét hơn đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, thị trường tài chính, tiền tệ, lao động, việc làm.

- Tăng trưởng tín dụng tính đến hết ngày 28/02/2023 chỉ tăng 1,46%; ước tính đến 31/3/2023 tăng khoảng 2,1% so với thời điểm cuối năm 2022; lãi suất ngân hàng vẫn đang ở mức cao (trên 10-14%/năm đối với trung và dài hạn) cho thấy khó khăn trong khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp, nền kinh tế. Hơn nữa, tính đến giữa tháng 3/2023 số doanh nghiệp gia nhập thị trường giảm 12,1% so với cùng kỳ năm trước, trong khi số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng 21,4% so với cùng kỳ.

- Trong sản xuất nông nghiệp, giá bán sản phẩm thịt lợn hơi đang có xu hướng giảm, trong khi giá thức ăn chăn nuôi vẫn ở mức cao.

Để ứng phó với các khó khăn, thách thức, tiếp tục nỗ lực để hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2023, trong thời gian tới cần tập trung chỉ đạo, thực hiện một số nội dung sau:

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các giải pháp trong Chương trình phục hồi kinh tế - xã hội năm 2022-2023, các chương trình mục tiêu quốc gia. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, nguồn vốn này sẽ giúp tăng tổng cầu của nền kinh tế, đồng thời tạo hiệu ứng lan tỏa đến nhiều ngành nghề, nhiều doanh nghiệp.

- Các ngành chức năng của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ cần tiếp tục chủ động bám sát tình hình, diễn biến thực tế để kịp thời có giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh.

- Để khắc phục những khó khăn, bất cập cần tiếp tục có sự tham gia tích cực của mọi chủ thể, từ nhà đầu tư, doanh nghiệp, nhà quản lý chứ không chỉ là riêng của chủ thể nào hay của các cơ quan Nhà nước. Về phía doanh nghiệp cần tích cực phát huy sự hợp tác, nâng cao chất lượng quản trị, huy động và tận dụng tốt các nguồn lực, chính sách ưu đãi để phát triển, chủ động tìm kiếm, mở rộng thị trường...

- Kích cầu tiêu tiêu dùng, kết nối cung cầu hàng hoá, bình ổn thị trường để tiếp tục duy trì đà tăng trưởng của khu vực dịch vụ để góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh sản xuất công nghiệp - “bộ đỡ” tăng trưởng kinh tế của tỉnh có thể gặp khó khăn do xuất khẩu đang có xu hướng giảm.

- Từ thực tế hoạt động công nghiệp trên địa bàn trong quý I/2023 cho thấy, để ngành công nghiệp tiếp tục là động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong năm 2023 và những năm tiếp theo, cần tiếp tục có các giải pháp phát triển nguồn nhân lực; có chính sách ưu đãi trong thu hút đầu tư đối với ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; từng bước tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong khâu tiêu thụ sản phẩm như: tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại; tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu; thực hiện các chính sách hỗ trợ thuế, phí xuất khẩu; kích cầu tiêu thụ trong nước...

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 3 và quý I/2023 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các ngành tổng hợp;
- Bí thư, chủ tịch UBND các huyện, TP;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Quang